

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 14/9/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 09-KH-TU ngày 24/10/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đầy đủ, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế về công tác dân số. Nâng cao trách nhiệm, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân trong thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, tạo sự đồng thuận và ủng hộ tích cực của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ được giao để chỉ đạo, tổ chức triển khai có hiệu quả công tác dân số trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, huy động Nhân dân tích cực hưởng ứng, thực hiện các chính sách về dân số.

- Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho công tác dân số; kịp thời nắm bắt, xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ dân số năm 2026. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phân đầu đạt và duy trì mức sinh thay thế; kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh; giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu và nâng cao chất lượng dân số; tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động thích ứng với già hóa dân số và hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2026.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tuổi thọ trung bình: 72,4 tuổi.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên $\leq 1,2\%$.
- Tổng tỷ suất sinh đạt 2,3 con/bà mẹ.
- Tỷ số giới tính khi sinh < 111 trẻ trai/100 trẻ gái.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 62%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 70%.
- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 45%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm đạt 80%.
- Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 71%.
- Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai là 94.323 người.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền về thực hiện công tác dân số

- Các cấp ủy tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số, trong đó nhấn mạnh quan điểm chuyển từ dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; triển khai hiệu quả Luật Dân số số 113/2025/QH15, Nghị quyết số 72-NQ/TW và Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 14/9/2025 của Tỉnh ủy, Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

- củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, tăng cường trách nhiệm phối hợp liên ngành của các thành viên Ban Chỉ đạo. Rà soát, lồng ghép, đưa nội dung công tác dân số vào trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách dân số. Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, mục tiêu về dân số năm 2026 nhất là các mục tiêu, chỉ tiêu còn là thách thức gắn với đặc thù của tỉnh (*như tuổi thọ trung bình, mức sinh chênh lệch giữa các vùng, mất cân bằng giới tính khi sinh, già hóa dân số, tảo hôn...*).

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án nâng cao chất lượng dân số của tỉnh

- Rà soát, nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ chế, chính sách phù hợp với Luật Dân số số 113/2025/QH15, các chỉ đạo của Trung ương và điều kiện thực tiễn của tỉnh; nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế; thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh để sớm đưa về mức cân bằng tự nhiên.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên truyền, phổ biến các điểm mới của Luật Dân số số 113/2025/QH15, quan điểm chuyển từ dân số - kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Đẩy mạnh truyền thông, vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, điều chỉnh mức sinh giữa các vùng để tiến tới đạt mức sinh thay thế; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tăng cường tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số. Chú trọng truyền thông trên nhóm đối tượng vị thành niên, thanh niên; người trong độ tuổi sinh đẻ; người cao tuổi; người dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số ít người và người lao động khu công nghiệp

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng. Tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, đưa tin, phát sóng nội dung về dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội, cung cấp các tài liệu, sản phẩm truyền thông số (như infographic, video, audio). Tổ chức tư vấn, truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình và cộng đồng; phát huy vai trò của mạng lưới nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số và những người có uy tín trong cộng đồng, nhất là vùng cao, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới hoạt động giáo dục thân thiện với vị thành niên, thanh niên, đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc phổ biến kiến thức, kỹ năng về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới. Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng sự kiện dân số như Ngày Thalassemia Thế giới (8/5), Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam (6/6); Ngày Dân số thế giới (11/7), Ngày tránh thai thế giới (26/9), Ngày Quốc tế người cao tuổi (1/10), Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10), Tháng hành động quốc gia về Dân số (tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12). Lồng ghép nội dung dân số trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động; góp phần xây dựng nếp sống văn minh, môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

3. Triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác dân số

3.1. Về quy mô, cơ cấu dân số

a) Thực hiện điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chương trình Điều chỉnh mức sinh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh. Duy trì ổn định dân cư tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng.

- Theo dõi, phân tích tình hình biến động dân số và xu hướng mức sinh theo từng xã, phường, giao chỉ tiêu cụ thể với từng địa bàn, triển khai các giải pháp phù hợp đối với khu vực có mức sinh cao, nhằm giảm tổng tỷ suất sinh năm 2026 trên địa bàn tỉnh còn 2,3 con/bà mẹ, tiến tới đạt mức sinh thay thế.

- Cập nhật, khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về dân cư; bảo đảm thông tin biến động dân số được cập nhật kịp thời, chính xác phục vụ công tác dự báo, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh truyền thông, vận động không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con, mỗi cặp vợ chồng thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Triển khai các mô hình, hoạt động hỗ trợ phù hợp nhằm khuyến khích sinh đủ hai con tại nơi có mức sinh thấp, vận động giảm sinh tại nơi có mức sinh cao. Rà soát nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ phù hợp.

- Tổ chức chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với thực trạng mức sinh của từng xã, phường, ưu tiên vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn, khu vực tập trung đông lao động di cư. Tăng cường truyền thông, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên.

b) Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 với mục tiêu năm 2026 đưa tỷ số giới tính khi sinh <111 trẻ trai/100 trẻ gái, tiến dần về mức cân bằng tự nhiên.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông, vận động về thực trạng giới tính khi sinh, nguyên nhân, hệ lụy và giải pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; truyền thông về bình đẳng giới, nêu cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái. Đưa nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, vào chương trình đào tạo trong các nhà trường; lồng ghép vào hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương.

- Phổ biến, giáo dục và nâng cao hiệu lực thực thi những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính khi sinh tại các cơ sở y tế, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sách báo, văn hóa phẩm trên địa bàn.

- Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ tuyên truyền, vận động thực hiện kế hoạch kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

3.2. Nâng cao chất lượng dân số

a) Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng tuyên truyền cho cán bộ y tế, cán bộ dân số các cấp về sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Duy trì, mở rộng triển khai kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế, bảo đảm thực hiện gói dịch vụ cơ bản theo quy định hiện hành.

b) Tăng cường tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại cộng đồng, các khu công nghiệp, khu kinh tế; lồng ghép vào hoạt động của câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng, trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường phổ thông.

- Duy trì và mở rộng mô hình tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn tại các xã, phường theo hướng dẫn tại Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 07/11/2025 của Bộ Y tế, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2026. Triển khai hoạt động phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn, giảm tỷ lệ nạo phá thai và giảm thiểu tình trạng sinh con ở lứa tuổi vị thành niên.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho cán bộ y tế, cán bộ dân số theo quy định.

3.3. *Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình*

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số. Tổ chức các chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, ưu tiên địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, vùng khó khăn, đối tượng khó tiếp cận; mở rộng các mô hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện cho vị thành niên, thanh niên; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên.

- Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, ưu tiên vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới. Bảo đảm phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản đến mọi người dân theo hướng công bằng, bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ; tạo điều kiện để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời điểm sinh và khoảng cách sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Duy trì vận hành hiệu quả hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai. Quản lý, điều phối hoạt động cung ứng phương tiện tránh thai qua các kênh phân phối miễn phí và xã hội hóa, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn trong tư vấn và thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại cơ sở.

3.4. *Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi*

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực khám chữa bệnh, phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại các cơ sở y tế (*trừ bệnh viện chuyên khoa sản nhi*); duy trì việc khám lão khoa, bố trí giường điều trị phù hợp cho người bệnh cao tuổi. Tăng cường năng lực cho trạm y tế xã trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe người cao tuổi. Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào câu lạc bộ liên thế hệ và các mô hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi. Tăng cường cung cấp kiến thức, kỹ năng; tổ chức tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi chủ động tự chăm sóc sức khỏe, khuyến khích tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao sức khỏe.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực cán bộ dân số, y tế các cấp trong thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi các nội dung thích ứng với già hóa dân số

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc người cao tuổi tại Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội tỉnh. Xây dựng và phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng, trung tâm dưỡng lão/cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo hình thức phù hợp; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

3.5. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thu thập, cập nhật thông tin vào sổ A0 và kho dữ liệu chuyên ngành dân số. Phối hợp rà soát, đối chiếu, kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin số liệu chuyên ngành trong Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác.

- Duy trì, vận hành, khai thác hiệu quả thông tin - số liệu; hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số; tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (MIS); bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

- Thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu về con người trên cơ sở dữ liệu gốc là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm đánh giá chính xác biến động về dân số (cả về số lượng, chất lượng), kịp thời phục vụ công tác quản lý, dự báo, và hoạch định chính sách.

4. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố

Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ dân số cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác dân số, thành viên Ban Chỉ đạo công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số ở cơ sở. Chú trọng cập nhật kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn, quản lý và triển khai các nhiệm vụ về dân số; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, thống kê, phân tích và dự báo dân số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Công tác kiểm tra, giám sát

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật, chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án, Kế hoạch về công tác dân số và phát triển tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Kiểm tra, giám sát công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dân số đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các cơ sở y tế tư nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; các nhà sách cung cấp ấn phẩm có nội dung tuyên truyền liên quan lựa chọn giới tính thai nhi. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo công tác y tế - dân số tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các văn bản của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân số và các nội dung của kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ.

- Kịp thời tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù, các chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số giai đoạn 2026-2030; Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030; Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026-2035; Đề án xây dựng, phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc người cao tuổi đến năm 2030...theo hướng dẫn và chỉ đạo của Trung ương để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác dân số trên địa bàn tỉnh; nhất là các giải pháp để phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

- Xây dựng kế hoạch của ngành Y tế để phối hợp với các đơn vị liên quan và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trong ngành triển khai toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp chuyên môn nhằm đạt mục tiêu đề ra.

- Củng cố, ổn định, tổ chức bộ máy làm công tác dân số, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang dân số và phát triển.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; tham mưu tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình, đề án về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới. Tăng cường xây dựng các tin, bài, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục, tọa đàm, diễn đàn, phát triển các sản phẩm truyền thông đa phương tiện (video clip, infographic, ấn phẩm điện tử...) trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng mạng xã hội.

- Lòng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác dân số vào các phong trào, cuộc vận động và hoạt động văn hóa ở cơ sở, trọng tâm là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”,

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, du lịch, thể thao quần chúng, triển lãm, hội thi, liên hoan gắn với nội dung truyền thông dân số, bình đẳng giới và xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

- Chỉ đạo hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền cổ động trực quan về công tác dân số và phát triển, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn lòng ghép tiêu chí dân số trong xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa tại khu dân cư. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến thực hiện tốt chính sách dân số.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thông tin, dư luận xã hội liên quan đến việc triển khai thi hành Luật Dân số trong lĩnh vực quản lý; chủ động phối hợp xử lý, định hướng thông tin kịp thời.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giới, giới tính, tăng cường giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc thể lực trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục; thực hiện việc mở rộng, nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo, dạy nghề gắn với thị trường lao động. Phối hợp với Sở Y tế tổ chức các hoạt động truyền thông về dân số tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các giải pháp giải quyết việc làm, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, phát huy lợi thế thời kỳ cơ cấu dân số vàng, chủ động thích ứng với già hóa dân số.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan chủ động tham mưu củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân số bảo đảm thống nhất, liên tục, thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Sở Tài chính

Căn cứ vào đề xuất của các sở, ngành, địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho công tác dân số trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

6. Các sở, ban, ngành của tỉnh - thành viên Ban Chỉ đạo công tác y tế - dân số tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Y tế và các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân số năm 2026; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cộng đồng về dân số và nâng cao chất lượng dân số trong tình hình mới. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật, chính sách dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách về dân số trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp trên địa bàn năm 2026. Đưa nội dung công tác dân số vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bố trí nguồn kinh phí, đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện công tác dân số tại địa phương. Chịu trách nhiệm toàn trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu dân số trên địa bàn.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế để chỉ đạo triển khai các hoạt động công tác dân số đảm bảo hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm; lồng ghép nội dung hoạt động của kế hoạch với hoạt động của các chương trình, dự án khác có liên quan trên địa bàn để triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Chỉ đạo việc thực hiện đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính liên quan cấp Giấy chứng sinh, đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, khai tử, xóa đăng ký thường trú...; bảo đảm việc cập nhật kịp thời, chính xác thông tin liên quan biến động dân số trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, hoạch định chính sách dân số trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo các ban, ngành địa phương, trạm y tế xã triển khai các hoạt động truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ dân số; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn và báo cáo kết quả về Sở Y tế theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh - thành viên Ban Chỉ đạo công tác y tế - dân số tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện theo đề nghị của Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (VX);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (đ.c Tú)
- Lưu VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Hiền Hạnh